

BÁO CÁO

Kết quả chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024

I. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CÔNG TÁC CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Về công tác chỉ đạo, điều hành/thể chế số

Trên cơ sở định hướng chỉ đạo, hướng dẫn của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ ngành Trung ương, Tỉnh ủy Bắc Kạn và nhu cầu, điều kiện thực tế của tỉnh, trong 6 tháng đầu năm 2024, UBND tỉnh Bắc Kạn đã ban hành 14 văn bản¹ quán triệt, chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số đến các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh; tổ chức 02 phiên họp² giao ban về công tác chuyển đổi số.

Thực hiện Quyết định số 58/QĐ-UBQGCS ngày 19/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về Chuyển đổi số về việc ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2024 của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số và Kế hoạch số 883/KH-UBND ngày 20/12/2023 của UBND tỉnh Bắc Kạn về chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn năm 2024, Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh (viết tắt là Ban Chỉ đạo cấp tỉnh) đã ban hành Kế hoạch số 337/KH-BCĐ ngày 17/5/2024 với mục tiêu phát huy/nâng cao vai trò, trách nhiệm và hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo trong công tác tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo, triển khai, hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ chuyển đổi số đảm bảo phù hợp với định hướng: “*Phát triển kinh tế số với 04 trụ cột công*

¹ Kế hoạch số 833/KH-UBND ngày 20/12/2023 về chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn năm 2024; Quyết định số 293/QĐ-UBND ngày 28/02/2024 về việc kiện toàn và đổi tên Đội Ứng cứu sự cố mạng, máy tính tỉnh Bắc Kạn; Quyết định số 338/QĐ-UBND ngày 07/3/2024 phê duyệt kết quả xếp hạng và phân loại Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn năm 2023; Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 14/3/2024 về việc ban hành Danh mục nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số mới năm 2024; Quyết định số 472/QĐ-UBND ngày 25/3/2024 về việc ban hành Quy chế hoạt động của Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng tỉnh Bắc Kạn; Quyết định số 488/QĐ-UBND ngày 26/3/2024 về việc phê duyệt và công bố kết quả đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn năm 2023; Quyết định số 515/QĐ-UBND ngày 28/3/2024 về việc phê duyệt danh mục thành phần hồ sơ thủ tục hành chính phải số hóa trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; Kế hoạch số 204/KH-UBND ngày 26/3/2024 về tổ chức các hoạt động thi đua nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; Công văn số 846/UBND-VXNV ngày 02/02/2024 về việc phổ biến triển khai Bộ chỉ số đánh giá mức độ Chuyển đổi số doanh nghiệp; Công văn số 1495/UBND-VXNV ngày 11/3/2024 về việc tuân thủ quy định pháp luật và tăng cường bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; Công văn số 2622/UBND-VXNV ngày 23/4/2024 về việc tăng cường bảo đảm an toàn thông tin mạng; Công văn số 3004/UBND-VXNV ngày 08/5/2024 về việc tiếp tục duy trì việc triển khai thí điểm chuyển đổi số cấp xã; Kế hoạch số 366/KH-UBND ngày 28/5/2024 nâng cao hiệu quả cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn năm 2024; Công văn số 3195/UBND-VXNV ngày 15/5/2024 về việc tăng cường công tác quản lý, vận hành, sử dụng các hệ thống; triển khai các nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số của tỉnh.

² Thông báo số 56/TB-UBND ngày 20/3/2024 về kết luận của đồng chí Nguyễn Đăng Bình, Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp giao ban về công tác chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06 tình quý I năm 2024; Thông báo số 149/TB-UBND ngày 27/6/2024 về kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh tại Hội nghị đánh giá công tác CCHC giai đoạn 2021-2024; sơ kết 06 tháng đầu năm 2024 về công tác chuyển đổi số, CCHC, Đề án 06 tỉnh.

ngành công nghệ thông tin, số hóa các ngành kinh tế, quản trị số, dữ liệu số - Động lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững” của Ủy ban quốc gia về Chuyển đổi số trong năm 2024.

Thực hiện nhiệm vụ được UBND tỉnh và Ban Chỉ đạo cấp tỉnh, 100% các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện/thành phố đã xây dựng và ban hành Kế hoạch triển khai hoạt động chuyển đổi số tại đơn vị, địa phương đảm bảo phù hợp với tình hình và điều kiện thực tế của từng đơn vị, địa phương.

2. Hạ tầng số

2.1. Kết quả đạt được:

Qua thống kê, hiện nay tỉnh Bắc Kạn có 01 tổng đài cố định trung tâm (host); 07 trạm vệ tinh; 03 trạm visatIP; 51 điểm chuyển mạch; 02 tuyến viba; 7.285 km cáp quang; 882 trạm BTS và 01 trạm điều khiển thông tin di động BS³; 100% xã, phường, thị trấn được phủ sóng di động 2G/3G/4G; quang hóa 100% hạ tầng đường truyền tới các đơn vị, địa phương; 100% đơn vị, địa phương được kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng và được chuẩn hóa kết nối giám sát 04 cấp hành chính; số thuê bao điện thoại trên địa bàn tỉnh đạt 353.886 thuê bao; số thuê bao điện thoại smartphone đạt 283.041 thuê bao (*chiếm 87% dân số*); mật độ điện thoại đạt 90,5 máy/100 dân; số thuê bao internet đạt 294.256 thuê bao (*đạt tỷ lệ 91% dân số*). Tỷ lệ người dùng internet⁴ (*đạt tỷ lệ 91%*); số hộ gia đình có người có điện thoại thông minh (*đạt tỷ lệ 95%*). Qua tổng hợp báo cáo của các đơn vị, doanh thu lĩnh vực viễn thông 6 tháng đầu năm 2024 ước đạt 161.189 triệu đồng, tăng 4,15% so với cùng kỳ năm 2023. Đánh giá tổng thể, hạ tầng mạng lưới viễn thông của tỉnh Bắc Kạn đã kết nối thông suốt 03 cấp đảm bảo phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan, đơn vị, địa phương; đáp ứng cơ bản nhu cầu ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, chuyển đổi số của người dân, doanh nghiệp.

Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh (THDL) Bắc Kạn được duy trì hoạt động ổn định. Hiện tại, Sở Thông tin và Truyền thông Bắc Kạn đang triển khai Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng hệ thống thông tin nền tảng phục vụ chính quyền điện tử tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2025 theo Kế hoạch đề ra. Đến nay, hạng mục nâng cấp, mở rộng hệ thống hạ tầng kỹ thuật của tỉnh đang triển khai lắp đặt các trang thiết bị và hạ tầng kỹ thuật tại Trung tâm Tích hợp dữ liệu tỉnh. Đối với hạng mục xây dựng nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) của tỉnh, đơn vị đang kết nối thử nghiệm các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia của các Bộ, ngành Trung ương với hệ thống thông tin của tỉnh. Sau khi hoàn thành việc kết nối thử nghiệm, tỉnh sẽ chỉ đạo, thực hiện hoạt động kết nối chính thức theo quy định. Qua thống kê, trong 6 tháng đầu năm 2024, Trung tâm THDL tỉnh đã tiếp nhận thêm 04 hệ thống của các đơn vị⁵ nâng tổng số hệ thống được cài đặt tại trung tâm là 39 hệ thống.

³ So với năm 2020, số lượng trạm BTS tăng 280 trạm, số km cáp quang tăng 3.754km.

⁴ Trong đó số lượng hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cáp quang là 55.263 hộ/85.854 hộ gia đình trên toàn tỉnh (*chiếm 64,3%*).

⁵ Hệ thống thông tin báo cáo, Nền tảng tòa soạn số, Nền tảng LGSP tỉnh Bắc Kạn, Hệ thống quản lý giá.

2.2. *Tồn tại, hạn chế, vướng mắc:* Qua thống kê, hiện tại tỉnh Bắc Kạn còn 42 thôn chưa phủ sóng thông tin di động (*trong đó có 39 thôn, bản đã có điện lưới*); việc bố trí kinh phí dành cho đầu tư, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin còn hạn chế, quy mô triển khai còn nhỏ lẻ; máy tính, thiết bị CNTT của một số đơn vị, địa phương cấu hình đã cũ, chưa đáp ứng yêu cầu sử dụng.

3. Nhân lực số

3.1. *Kết quả đạt được:*

Hiện nay, tỉnh Bắc Kạn có 60 công chức, viên chức chuyên trách về chuyển đổi số; 840 công chức, viên chức kiêm nhiệm về chuyển đổi số (*chủ yếu là thành viên Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số của các đơn vị, địa phương*). Trong đó, số lượng công chức, viên chức chuyên trách, kiêm nhiệm về An toàn thông tin mạng là 158 người.

Trên cơ sở định hướng chỉ đạo của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Công văn số 6106/BTTTT-CĐSQG ngày 08/12/2023 về triển khai các khóa bồi dưỡng về chuyển đổi số trên nền tảng MOOCs, tỉnh Bắc Kạn đã tập trung chỉ đạo, triển khai khoá bồi dưỡng nêu trên cho 211 học viên (*là thành viên Ban Chỉ đạo chuyển đổi số, cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách chuyển đổi số cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã*). Kết quả: Tính đến tháng 6/2024, đã có 166/208 học viên hoàn thành khóa học, trong đó tỷ lệ thành viên Ban Chỉ đạo cấp tỉnh đã hoàn thành khóa học đạt 100%. Số học viên còn lại, tỉnh đã ban hành văn bản đôn đốc, khẩn trương hoàn thành khóa học theo yêu cầu.

Để hình thành mạng lưới chuyển đổi số, tỉnh Bắc Kạn đã chủ trương triển khai 07 khóa học trực tuyến trên nền tảng MOOCs với tên miền riêng của tỉnh tại địa chỉ: <https://backanmooc.mobiedu.vn/> cho 4.000 cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị, địa phương. Thời gian tổ chức: Từ ngày 15/6/2024 đến ngày 30/9/2024.

Bên cạnh đó, một số đơn vị, địa phương của tỉnh đã chủ động thực hiện các hoạt động tập huấn, tuyên truyền về chuyển đổi số như: UBND huyện Na Rì tổ chức tập huấn cho 212 thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng cấp thôn; UBND thành phố Bắc Kạn tổ chức tập huấn, tuyên truyền nâng cao kỹ năng về an ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao cho 100 cán bộ, công chức, viên chức của địa phương; UBND huyện Ngân Sơn đã tổ chức tuyên truyền lồng ghép, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số cho người dân trong Ngày hội văn hóa thể thao các dân tộc thiểu số, Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số huyện Ngân Sơn. Các cơ quan báo chí của tỉnh đã tập trung xây dựng, đăng tải các chuyên mục, tin bài tuyên truyền, phản ánh kịp thời về các hoạt động chuyển đổi số diễn ra trên địa bàn tỉnh.

3.2. *Tồn tại, hạn chế, vướng mắc:* Nguồn nhân lực tham mưu/phụ trách hoạt động chuyển đổi số tại một số cơ quan, đơn vị, địa phương còn thiếu; chưa có chuyên môn sâu về CNTT cũng như kinh nghiệm trong lĩnh vực phát triển ứng dụng CNTT, nhất là hoạt động an ninh mạng, an toàn thông tin.

4. Nền tảng, dữ liệu số

4.1. Kết quả đạt được:

- Tỉnh Bắc Kạn đang tiếp tục duy trì sử dụng Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) do Bộ Thông tin và Truyền thông hỗ trợ. Trong 6 tháng đầu năm 2024, tỉnh Bắc Kạn tiếp tục duy trì kết nối 14 dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) theo quy định.

- Các cơ sở dữ liệu (CSDL) chuyên ngành của tỉnh:

+ CSDL đất đai: Tỉnh đang duy trì sử dụng CSDL đất đai 06/08 huyện, thành phố (gồm: Huyện Ngân Sơn, huyện Chợ Đồn, huyện Na Rì, thành phố Bắc Kạn, huyện Ba Bể và huyện Pác Nặm). Dự kiến tháng 11/2024, tỉnh sẽ hoàn thành việc tích hợp dữ liệu đất đai của 02 huyện còn lại (huyện Chợ Mới và huyện Bạch Thông) vào hệ thống.

+ CSDL về cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC): Hiện nay, hệ thống CSLD đã cập nhật 14.534 hồ sơ bảo đảm tiêu chí: “Đúng - Đủ - Sạch - Sóng” theo quy định của Bộ Nội vụ (đạt tỷ lệ 100% hồ sơ); số lượng hồ sơ đã đồng bộ thông tin cơ bản bắt buộc⁶ là 13.258 hồ sơ (đạt 99,95%).

4.2. Tồn tại, hạn chế, vướng mắc:

Tỉnh Bắc Kạn chưa hoàn thành việc xây dựng riêng Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP). Do đó chưa thực hiện được việc kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, CSDL. Đồng thời qua rà soát, hiện nay còn 07 dịch vụ đã được các Bộ ngành Trung ương cung cấp trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) nhưng tỉnh chưa thực hiện kết nối đến Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh⁷.

5. An toàn, an ninh mạng

Tỉnh Bắc Kạn đã thực hiện xong việc kiện toàn, đổi tên Đội ứng cứu sự cố mạng, máy tính của tỉnh thành Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng và tổ chức đội theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông. Đồng thời, chỉ đạo các đơn vị, địa phương chủ động triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng tại đơn vị, địa phương như: Rà quét các hệ thống, kịp thời phát hiện, xử lý các nguy cơ mất an toàn thông tin; lập hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn thông tin; triển khai các phương án đảm bảo an toàn thông tin cần thiết theo quy định.

UBND tỉnh đã giao Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Công ty BKAV hoàn thành việc cài đặt phần mềm phòng chống mã độc Bkav Endpoint cho các đơn vị, địa phương của tỉnh. Hiện nay đã có 3.407 máy tính được cài đặt phần mềm. Qua thống kê, từ ngày 25/12/2023 đến hết tháng 6/2024, phần mềm

⁶ Quyết định 356/QĐ-BNV ngày 17/5/2023 về việc ban hành cấu trúc mã định danh và định dạng dữ liệu gói tin phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức.

⁷ Gồm: Dịch vụ công thiết yếu của ngành TN&MT phục vụ Đề án 06 (Bộ Tài nguyên và Môi trường); CSDL quốc gia về bảo hiểm (BHXH Việt Nam); Hệ thống cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (Bộ Tài chính); CSDL đất đai quốc gia (Bộ Tài nguyên và Môi trường); CSDL quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Tư pháp); Hệ thống thông tin quản lý danh mục điện tử dùng chung của các cơ quan nhà nước phục vụ phát triển Chính phủ điện tử Việt Nam (Bộ Thông tin và Truyền thông); Liên thông TN&MT-Thuế (Bộ Tài nguyên và Môi trường).

đã phát hiện, xử lý: 1.758 máy tính nhiễm virus; 2.199 máy tính có lỗ hổng phần mềm; ngăn chặn 108 máy tính có kết nối nguy hiểm. Qua đó đã góp phần đảm bảo an toàn thông tin cho các thiết bị, hệ thống thông tin của tỉnh.

Trong 6 tháng đầu năm 2024, thông qua công tác kiểm tra, giám sát an toàn thông tin, Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh đã phát hiện và xử lý 14 sự cố liên quan đến tấn công sử dụng mã độc. Đồng thời, thực hiện cập nhật các bản vá hoặc nâng cấp phiên bản ứng dụng để đảm bảo an toàn an ninh thông tin cho các hệ thống thông tin/hệ thống phần mềm dùng chung của tỉnh.

6. Chính phủ số

6.1. Kết quả đạt được:

- Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh được duy trì kết nối với Cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư tạo thuận lợi cho việc xác thực thông tin về nơi cư trú trên môi trường điện tử, giúp người dân, doanh nghiệp không phải xuất trình bản giấy những thành phần hồ sơ liên quan⁸ đến xác định nơi cư trú. Tỉnh đã giao cơ quan chuyên môn thực hiện kết nối xong toàn diện hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh đến hệ thống EMC của Bộ Thông tin và Truyền thông theo hướng dẫn của Bộ (*hiện nay, cơ quan chuyên môn đang phối hợp với đơn vị quản lý EMC đối soát dữ liệu để đảm bảo dữ liệu được đồng bộ, chính xác*). Đồng thời chỉ đạo các đơn vị thực hiện việc rà soát, đơn giản hoá TTHC và đề xuất phương án đơn giản hoá các TTHC thuộc lĩnh vực, ngành phụ trách⁹. Trên cơ sở rà soát, đề xuất của các đơn vị, tỉnh giao Văn phòng UBND tỉnh thẩm định nội dung/phương án trước khi trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt theo quy định.

- UBND tỉnh Bắc Kạn đã ban hành Kế hoạch số 797/KH-UBND ngày 31/12/2020 về việc số hóa kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, địa phương giai đoạn 2020 - 2025 theo lộ trình đã đặt ra. Đồng thời, UBND tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện nhiệm vụ số hóa hồ sơ và tái sử dụng kết quả số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trong tiếp nhận, giải quyết TTHC (*đối với các sở, ban, ngành thực hiện từ ngày 01/6/2022, cấp huyện từ ngày 01/12/2022 và cấp xã từ ngày 01/6/2023*); riêng các dịch vụ công thiết yếu tại Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 thực hiện số hóa từ ngày 01/7/2022 theo chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ tại Văn bản số 2866/VPCP-KSTT ngày 09/5/2022.

- Các hệ thống/phần mềm dùng chung, hệ thống thông tin, CSDL chuyên ngành do các đơn vị của tỉnh quản lý, vận hành hiện đang hoạt động ổn định, cụ thể:

+ Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh đã tiếp nhận, xử lý 56.241 hồ sơ giải quyết TTHC; cung cấp 1.063 DVCTT toàn trình (*đạt 60% trên tổng số TTHC, đạt 81,3% trên tổng số DVCTT*); có 41.879 hồ sơ phát sinh trực tuyến (*đạt 74,5%*

⁸ Gồm: Căn cước công dân/chứng minh nhân dân; Giấy xác nhận thông tin về cư trú...

⁹ Trong đó, nhiều TTHC đã đề xuất phương án giảm giấy tờ, thành phần hồ sơ của TTHC thông qua việc sử dụng lại các kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được cấp/lưu trong hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh hoặc các hệ thống thông tin, CSDL của đơn vị.

trên tổng số hồ sơ TTHC, 86,7% trên tổng số hồ sơ của các DVCTT)¹⁰. Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên cổng DVCQG đạt 26,7% (trung bình cả nước đạt 45,29%)¹¹.

+ Phần mềm quản lý văn bản và điều hành Ioffice được sử dụng với 342.844 lượt gửi - nhận văn bản, trong đó tỷ lệ văn bản có bản gửi dưới dạng điện tử đạt 100%.

+ Các Hệ thống thông tin, CSDL ngành tài nguyên và môi trường¹² hoạt động ổn định, được sử dụng chủ yếu trong mạng nội bộ để phục vụ công tác quản lý, chưa mở ra ngoài hệ thống mạng internet.

+ Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quản lý khoa học và công nghệ được duy trì sử dụng thường xuyên và thực hiện việc cập nhật đầy đủ dữ liệu lên hệ thống để phục vụ công tác quản lý nhà nước.

+ Hệ thống thông tin ngành nông nghiệp mặc dù đã được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quan tâm chỉ đạo, đôn đốc các địa phương cập nhật dữ liệu lên hệ thống song vẫn chưa đầy đủ số liệu do một số địa phương chưa tiến hành cập nhật. Các phần mềm chuyên ngành do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai (gồm: Hệ thống FRMS 4.0; hệ thống báo lượng mưa tự động Vrain; phần mềm quản lý cơ sở nuôi động vật hoang dã; giám sát đánh giá chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững,...) được ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn sử dụng hiệu quả, 100% số liệu/dữ liệu được cập nhật đầy đủ theo chức năng, nhiệm vụ.

+ Cổng Thông tin du lịch Bắc Kạn tiếp tục được duy trì và cập nhật các thông tin du lịch với tổng 2.000.835 lượt tra cứu thông tin.

+ Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc tỉnh được duy trì, cập nhật và khai thác dữ liệu trên hệ thống theo Thông tư số 05/2022/TT-UBND ngày 30/12/2022 của Ủy ban Dân tộc quy định hệ thống chỉ tiêu thống kê về công tác dân tộc. Tiến độ cập nhật đạt khoảng 90%.

+ CSDL về giá: Hiện có 43 tài khoản sử dụng, tỉnh đã giao Sở Tài chính thường xuyên có đôn đốc các đơn vị chủ động rà soát cập nhật dữ liệu đảm bảo tiêu chí “Đúng - Đủ - Sạch”. Tuy nhiên, qua đánh giá mức độ cập nhật, sử dụng của các đơn vị còn ở mức trung bình.

+ Hệ thống thông tin tiền lương đang được Sở Tài chính triển khai, quản lý và vận hành với 750 tài khoản thường xuyên cập nhật biến động/theo dõi/tổng hợp báo cáo nhu cầu tiền lương của hơn 25.000 cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và các đối tượng khác tại tất cả các cơ quan, đơn vị, địa phương trong toàn tỉnh.

+ CSDL ngành Công Thương được cập nhật liên tục, đáp ứng các yêu cầu thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước, đồng thời phục vụ cho nhu cầu thông tin, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân liên quan.

- Năm 2024, Tỉnh đã phê duyệt và cấp kinh phí triển khai 37 nhiệm vụ/dự án chuyển đổi số với tổng số kinh phí 95.044,40 triệu đồng. Trong đó: Có 04 dự án

¹⁰ Số liệu trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh.

¹¹ Số liệu trên Cổng dịch vụ công quốc gia đến ngày 20/6/2024.

¹² Gồm: CSDL môi trường; phần mềm Quản lý dữ liệu quan trắc môi trường tự động, liên tục (ENVISOFT).

sử dụng nguồn vốn đầu tư công, nguồn ngân sách Trung ương: 6.400,00 triệu đồng; 33 nhiệm vụ sử dụng kinh phí thường xuyên, kinh phí sự nghiệp của tỉnh: 68.644,40 triệu đồng.

Về tiến độ triển khai các nhiệm vụ/dự án (*chi tiết tại phụ lục 2 gửi kèm*): Hiện tại, 04 nhiệm vụ thuê dịch vụ CNTT đang duy trì hợp đồng đã ký kết (*nhiệm vụ chuyển tiếp từ năm 2023*); 05 nhiệm vụ đang thực hiện hợp đồng; 03 nhiệm vụ đang trong quá trình lựa chọn nhà thầu; 06 nhiệm vụ đang trong quá trình thẩm định hồ sơ; 15 nhiệm vụ đang trong quá trình lập/hoàn thiện lại hồ sơ để trình thẩm định do chưa đáp ứng yêu cầu theo quy định; 04 nhiệm vụ đang được nghiên cứu, thực hiện. Dự ước giải ngân đến ngày 30/6/2024 đạt 12.607.900.000 đồng.

6.2. Tôn tại, hạn chế, vướng mắc:

Việc kết nối, chia sẻ và đưa vào khai thác sử dụng các dịch vụ chia sẻ dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin có phạm vi từ Trung ương đến địa phương còn chậm, chưa khai thác sử dụng một cách đồng bộ, hiệu quả. Các hệ thống thông tin, CSDL của tỉnh cũng chưa được kết nối với nhau nhằm tạo thuận lợi cho người dùng trong việc chia sẻ, sử dụng lại thông tin, giảm bớt thao tác cho cán bộ, công chức, viên chức.

Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh còn xảy ra lỗi trong quá trình sử dụng, đặc biệt là vấn đề đồng bộ dữ liệu từ Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh với Cổng Dịch vụ công Quốc gia và Hệ thống giám sát EMC của Bộ Thông tin và Truyền thông chậm được khắc phục làm ảnh hưởng đến điểm các chỉ số chung của tỉnh, đặc biệt không phản ánh chính xác kết quả thực tế đã thực hiện của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

Đa số các nhiệm vụ/dự án chuyển đổi số năm 2024 đều đang trong giai đoạn chuẩn bị triển khai nên tính đến thời điểm báo cáo, hầu hết các đơn vị chưa giải ngân kinh phí.

7. Kinh tế số, Xã hội số

7.1. Kết quả đạt được:

- Tỷ lệ người dân (*từ 14 tuổi trở lên*) có tài khoản định danh điện tử đạt 58,9% (163.099/276.900 người).

- Về việc thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt: 121/282 cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh triển khai phương thức thanh toán học phí không dùng tiền mặt (*đạt 42,9 % và tăng 37 cơ sở (12,3%) so với năm 2023*).

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh đã phối hợp chặt chẽ với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Bưu điện tỉnh và các đơn vị liên quan tuyên truyền đến người nhận chế độ an sinh xã hội, các chế độ bảo hiểm xã hội, trợ cấp thất nghiệp mở tài khoản cá nhân, nhận qua tài khoản. Đến nay đã triển khai trên địa bàn cả 8 huyện/thành phố, chuyển tiền trợ cấp qua tài khoản cho 1.099 người với số tiền chi trả hơn 1,4 tỷ đồng.

- Tỷ lệ chi lương hưu và trợ cấp BHXH hằng tháng qua tài khoản cá nhân đạt 34,1% (3.758/11.030 người); tỷ lệ người hưởng trợ cấp thất nghiệp qua tài khoản cá nhân đạt 100%; tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt khai tại Bệnh viện đa khoa tỉnh và Trung tâm Y tế các huyện, thành phố Bắc Kạn đạt từ 20 - 25% tổng thanh toán.

- Trong 6 tháng đầu năm 2024, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp tục duy trì, triển khai thực hiện mô hình hỗ trợ chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh năm 2024 từ nguồn kinh phí được cấp từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Cục Thuế tỉnh đã tổ chức Hội nghị triển khai, tập huấn hoá đơn điện tử cho các doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh. Tính đến tháng 5/2024, 100% doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị kinh doanh xăng dầu thực hiện việc khai báo thuế, nộp thuế và hoàn thuế bằng phương thức điện tử; 1.313/1.313 tổ chức, doanh nghiệp, HTX đã thực hiện đăng ký hóa đơn điện tử trên hệ thống (đạt tỷ lệ 100%).

- Để góp phần phát huy hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh đã giao Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu ban hành văn bản hướng dẫn UBND các huyện, thành phố xây dựng Kế hoạch hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng, trong đó giao chỉ tiêu cụ thể cho hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng, cách thức phổ biến, hướng dẫn, hỗ trợ người dân tiếp cận, sử dụng các nền tảng số phục vụ phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

- Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục tuyên truyền giới thiệu doanh nghiệp tham gia Chương trình hỗ trợ chuyển đổi số (SMESx) và nâng cao nhận thức của doanh nghiệp về chuyển đổi số.

- Giao Sở Công Thương đẩy mạnh việc triển khai ứng dụng thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh; chủ động tư vấn, hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình, nhóm hộ gia đình tham gia chương trình chuyển đổi số và nâng cao nhận thức về chuyển đổi số; phối hợp với các sàn thương mại điện tử hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình sản xuất kinh doanh và khởi tạo gian hàng, đưa sản phẩm lên các sàn thương mại điện tử nhằm thúc đẩy quảng bá và tiêu thụ hàng nông sản, đặc trưng và tiềm năng của tỉnh.

7.2. Tồn tại, hạn chế, vướng mắc:

- Kỹ năng số của người dân, nhất là người dân sinh sống ở khu vực vùng sâu, vùng xa còn nhiều hạn chế; số lượng người dùng các nền tảng số phục vụ đào tạo, học tập trực tuyến còn thấp; người dân chưa thực sự quan tâm đến việc tự đảm bảo an toàn thông tin trên môi trường mạng.

- Hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng cấp xã, thôn chưa thật sự hiệu quả.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU ĐỀ RA TRONG KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA TỈNH VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024 CỦA BAN CHỈ ĐẠO VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH

1. Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2024 của tỉnh được UBND tỉnh ban hành tại Kế hoạch số 883/KH-UBND, trong đó, đề ra 21 chỉ tiêu cơ bản về chuyển đổi số. Tính đến thời điểm báo cáo, có 8 chỉ tiêu đạt/vượt kế hoạch đề ra; 05 chỉ tiêu chưa đạt và 8 chỉ tiêu chưa có số liệu cụ thể¹³.

(Chi tiết tại phụ lục 1 gửi kèm).

2. Kế hoạch hoạt động năm 2024 của Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh được Ban Chỉ đạo ban hành tại Kế hoạch số 337/KH-BCĐ, trong đó, đề ra 8 chỉ tiêu cơ bản và 47 nhiệm vụ cụ thể. Tính đến thời điểm báo cáo, các mục tiêu, nhiệm vụ đều đang được các đơn vị tổ chức thực hiện, hiện chưa có kết quả cụ thể của từng mục tiêu, nhiệm vụ.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

UBND tỉnh Bắc Kạn đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông quan tâm, chỉ đạo Quỹ dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam tạo điều kiện, ưu tiên bố trí kinh phí hỗ trợ tỉnh Bắc Kạn hoàn thiện và phát triển hạ tầng viễn thông, xóa vùng lõm sóng 3G/4G và trắng sóng 3G/4G tại các thôn trên địa bàn tỉnh, qua đó góp phần thúc đẩy hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển.

IV. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM 2024

1. Chỉ đạo, triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030; Kế hoạch chuyển đổi số năm 2024 của UBND tỉnh và Kế hoạch số 377/KH-BCĐ ngày 17/5/2024 của Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh; ban hành văn bản hướng dẫn về trình tự, trách nhiệm lập, thẩm định, trình phê duyệt dự án đầu tư, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

2. Tập trung hoàn thiện Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh đáp ứng yêu cầu của người sử dụng và khắc phục triệt để tình trạng lỗi, nhất là trong việc kết nối, đồng bộ dữ liệu với Cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống giám sát EMC của Bộ Thông tin và Truyền thông; hoàn thành kết nối đến các dịch vụ đã được cung cấp trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) để nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết TTHC của các đơn vị.

3. Xây dựng khung Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh, phiên bản 3.0 và ban hành kế hoạch triển khai các hoạt động tuyên truyền, hưởng ứng Ngày chuyển đổi số của tỉnh năm 2024 theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

¹³ Do chưa đúng thời điểm tổng hợp báo cáo số liệu, chưa có hướng dẫn cụ thể của cấp trên về xác định tỷ lệ.

4. Ban hành Kế hoạch của UBND tỉnh về thực hiện Đề án “Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

5. Hoàn thành việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trên địa bàn tỉnh và triển khai nhiệm vụ về cung cấp dữ liệu mở tỉnh Bắc Kạn song song với nhiệm vụ triển khai nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP).

6. Quản lý, vận hành, duy trì hoạt động hiệu quả, thường xuyên, liên tục các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đã hoàn thành theo tiêu chí “Đúng - Đủ - Sạch - Sống”. Chỉ đạo các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thành phố tích cực sử dụng, cập nhật thông tin, dữ liệu đầy đủ trên các hệ thống thông tin chuyên ngành do tỉnh, các Bộ ngành Trung ương triển khai.

7. Chỉ đạo các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thành phố tích cực, chủ động nghiên cứu, đổi mới tư duy, đề xuất lựa chọn và triển khai các mô hình, hoạt động chuyển đổi số phù hợp xu thế, điều kiện và thiết thực cho người dân, doanh nghiệp nhằm thúc đẩy kinh tế số của tỉnh phát triển.

8. Chỉ đạo: Cục Thuế tỉnh tiếp tục triển khai mạnh mẽ giải pháp hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền chống thất thu thuế, thất thu ngân sách; Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo đánh giá tình hình hoạt động của các doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh, từ đó tham mưu, đề xuất UBND tỉnh triển khai các phương án, giải pháp nhằm thúc đẩy hoạt động của các doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh để phục vụ công tác chuyển đổi số, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

9. Chỉ đạo các đơn vị, địa phương quán triệt cán bộ, công chức đã được cấp tài khoản tham gia hoàn thành các khoá học trên nền tảng MOOCs do Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai và trên hệ thống tên miền riêng của tỉnh đảm bảo hiệu quả, chất lượng.

10. Chỉ đạo Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số các huyện, thành phố tăng cường hoạt động, chủ động rà soát, củng cố hoạt động của Ban Chỉ đạo; tích cực tham mưu triển khai các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để đẩy mạnh hoạt động chuyển đổi số tại địa phương, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế; tiếp tục triển khai thí điểm chuyển đổi số cấp xã tại 8 xã/phường đã triển khai năm 2023, đồng thời, trên cơ sở kinh nghiệm, kết quả đã triển khai, xem xét, lựa chọn việc nhân rộng xã thí điểm chuyển đổi số phù hợp điều kiện, năng lực của địa phương, đảm bảo thiết thực, hiệu quả. Đồng thời, thực hiện có hiệu quả, đồng bộ các hoạt động hưởng ứng ngày chuyển đổi số quốc gia, chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn năm 2024.

11. Chỉ đạo các đơn vị, địa phương khẩn trương hoàn thành việc xây dựng và triển khai các phương án đảm bảo ATTT theo cấp độ đối với các hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh theo quy định, đảm bảo thời hạn hoàn thành trước ngày 30/9/2024.

Trên đây là Báo cáo kết quả chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn 6 tháng đầu năm, phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn./.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- CVP;
- Lưu: VT, Văn, Nhung^{VX}

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đăng Bình

Phụ lục 1: KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHUYỂN ĐỔI SỐ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn)

STT	Chỉ tiêu chiến lược Chính phủ số	Chỉ tiêu năm 2024	Kết quả 6 tháng đầu năm 2024	Số liệu tuyệt đối	Ghi chú
1	Chính quyền số				
1.1	Tỷ lệ DVCTT được cung cấp thành DVCTT toàn trình ¹⁴	$\geq 80\%$	81,3%	1.063/1.308	Số lượng DVCTT toàn trình/Tổng số DVCTT
	Tỷ lệ DVCTT được cung cấp thành DVCTT toàn trình ¹⁵	$\geq 80\%$	60%	1.063/1.772	Số lượng DVCTT toàn trình/Tổng số TTHC
1.2	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ trực tuyến trên tổng số dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ	90%	99,6%	265/266	Số lượng DVCTT phát sinh hồ sơ trực tuyến/Tổng số DVCTT phát sinh hồ sơ
1.3	Tỷ lệ hồ sơ phát sinh trực tuyến toàn trình trên tổng số hồ sơ phát sinh của các DVCTT ⁹	100%	93,1%	27.139/27.708	Số lượng hồ sơ phát sinh trực tuyến toàn trình/Tổng số hồ sơ phát sinh (trực tuyến + trực tiếp) của các DVCTT toàn trình
	Tỷ lệ hồ sơ phát sinh trực tuyến một phần trên tổng số hồ sơ phát sinh của các DVCTT ⁹	80%	71,3%	14.740/20.672	Số lượng hồ sơ phát sinh trực tuyến một phần/Tổng số hồ sơ phát sinh (trực tuyến + trực tiếp) của các DVCTT một phần
	Tỷ lệ hồ sơ phát sinh trực tuyến trên tổng số hồ sơ phát sinh ¹⁰	60%	74,5%	41.879/56.241	Số lượng hồ sơ phát sinh trực tuyến/Tổng số hồ sơ TTHC phát sinh
1.4	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến được thiết kế, thiết kế lại nhằm tối ưu hóa trải nghiệm người dùng, khi sử dụng được điền sẵn dữ liệu mà người dùng đã cung cấp trước đó theo thỏa thuận, phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ	30%	Đang triển khai thực hiện		Số lượng DVCTT được thiết kế, thiết kế lại/Số lượng DVCTT
1.5	Tỷ lệ cơ quan nhà nước cấp bộ, tỉnh tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số	80%	Chưa thực hiện (do tỉnh đang xây dựng LGSP, Kho dữ liệu và Cổng		Số lượng cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số/Tổng số cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh

¹⁴ Chỉ tiêu theo Kế hoạch 883/KH-UBND ngày 20/12/2023 của UBND tỉnh về Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn năm 2024.

¹⁵ Chỉ tiêu theo Kế hoạch 366/KH-UBND ngày 28/5/2024 của UBND tỉnh về Nâng cao hiệu quả cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn năm 2024.

STT	Chỉ tiêu chiến lược Chính phủ số	Chỉ tiêu năm 2024	Kết quả 6 tháng đầu năm 2024	Số liệu tuyệt đối	Ghi chú
			<i>dữ liệu mở của tỉnh)</i>		
1.6	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật (<i>cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã</i>)	100%	100%		Số lượng văn bản gửi đi được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng/Tổng số văn bản đi của đơn vị (<i>trừ văn bản mật</i>)
1.7	Tỷ lệ công tác báo cáo được thực hiện trên Hệ thống báo cáo của tỉnh và kết nối với hệ thống thông tin báo cáo quốc gia, Trung tâm điều hành thông minh	100%	100%		
1.8	Tỷ lệ hoạt động giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	20%	Sở TT&TT đang nghiên cứu đề hướng dẫn thực hiện, thống kê số liệu		
1.9	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản	80%	Chưa cập nhật được số liệu		Số lượng cán bộ, công chức, viên chức các sở, ban, ngành, UBND các cấp được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản/Tổng số cán bộ, công chức, viên chức các sở, ban, ngành, UBND các cấp của tỉnh
1.10	Tỷ lệ cuộc họp của cấp ủy, chính quyền, đoàn thể (trừ các cuộc họp mật) được tổ chức trực tuyến	80%	40 cuộc		Trong 6 tháng: Đã có 40 cuộc họp trực tuyến được thực hiện qua hệ thống
2	Kinh tế số				
2.1	Tỷ trọng kinh tế số trên GRDP	11%	Chưa có số liệu		Theo Tổng cục Thống kê: Ước tính tỷ trọng giá trị tăng thêm của KTS trong GRDP năm 2023 của tỉnh Bắc Kạn: 8,05%
2.2	Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ	5%	Chưa có số liệu		
2.3	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số	>30%	Chưa có số liệu		
3	Xã hội số				
3.1	Tỷ lệ phủ của hạ tầng mạng băng rộng cáp quang tại các hộ gia đình	76%	75%		Số hộ gia đình sử dụng mạng băng rộng cáp quang/Tổng số hộ gia đình trên địa bàn
3.2	Tỷ lệ thuê bao di động sử dụng điện thoại thông minh	85%	87%		Tỷ lệ người dùng smartphone/người dùng điện thoại di động

STT	Chỉ tiêu chiến lược Chính phủ số	Chỉ tiêu năm 2024	Kết quả 6 tháng đầu năm 2024	Số liệu tuyệt đối	Ghi chú
3.3	Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử	60%	58,9%	163.099/276.900	Tổng số công dân cư trú trên địa bàn tỉnh (thường trú + tạm trú) có tài khoản định danh điện tử/Tổng số công dân cư trú trên địa bàn tỉnh (thường trú + tạm trú) từ đủ 14 tuổi trở lên
3.4	Tỷ lệ người dân có hồ sơ số về sức khỏe cá nhân	98%	98%		Số người dân được tạo lập hồ sơ sức khỏe điện tử
3.5	Tỷ lệ bệnh viện, trung tâm y tế công triển khai hồ sơ bệnh án điện tử	20%	0		Đang triển khai Hồ sơ bệnh án điện tử tại Bệnh viện đa khoa tỉnh và Trung tâm y tế Huyện Bạch Thông
3.6	Tỷ lệ học sinh, sinh viên có hồ sơ số về việc học tập cá nhân	90%	100% (chưa bao gồm số liệu của Trường Cao đẳng Bắc Kạn)		100% học sinh có hồ sơ số kết quả kiểm tra, đánh giá học tập theo chương trình giáo dục
4	Đảm bảo An toàn thông tin mạng				
4.1	Tỷ lệ các trang, cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh được đánh giá an toàn thông tin và gắn nhãn tín nhiệm mạng	100%	Chưa có số liệu cụ thể		Một số đơn vị nâng cấp/thay đổi trang, cổng TTĐT nên chưa gắn lại nhãn tín nhiệm mạng. Sở TT&TT đã có văn bản đôn đốc
4.2	Tỷ lệ hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước hoàn thành phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin	100%	80%		

Phụ lục 2: Tiến độ triển khai các nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số năm 2024
(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn)

STT	Tên nhiệm vụ, dự án	Hình thức triển khai	Đơn vị chủ trì	Kinh phí năm 2024	Tiến độ đến hiện tại
I	33 nhiệm vụ kinh phí thường xuyên (gồm 25 nhiệm vụ chuyển tiếp từ năm 2023 và 08 nhiệm vụ mới bổ sung)			68.644,40	
*	25 nhiệm vụ chuyển tiếp từ năm 2023 sang theo KH 883/KH-UBND, cấp kinh phí tại Quyết định số 2338/QĐ-UBND ngày 10/12/2023			52.492,00	
1	Triển khai mạng diện rộng (WAN) trên nền tảng mạng truyền số liệu chuyên dùng tỉnh	Thuê	Sở TT&TT	746,00	Đang thẩm định dự toán
2	Xây dựng Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh	Đầu tư	Sở TT&TT	4.000,00	Đang thẩm định kỹ thuật
3	Thuê phần mềm Quản lý văn bản và điều hành tỉnh Bắc Kạn	Thuê	Sở TT&TT	1.500,00	Đang lập hồ sơ
4	Triển khai Trung tâm giám sát và điều hành an toàn thông tin mạng (SOC)	Thuê	Sở TT&TT	2.500,00	Đang thẩm định dự toán
5	Hợp nhất Cổng dịch vụ công với Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh để tạo lập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính	Thuê	Sở TT&TT	1.300,00	Đang thẩm định dự toán
6	Kế hoạch thuê dịch vụ CNTT phần mềm quản lý thông tin cán bộ, công chức, viên chức và lao động HĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ	Thuê	Sở TT&TT	847,00	Đang sử dụng

STT	Tên nhiệm vụ, dự án	Hình thức triển khai	Đơn vị chủ trì	Kinh phí năm 2024	Tiến độ đến hiện tại
7	Triển khai hệ thống Wifi công cộng trên địa bàn tỉnh	Thuê	Sở TT&TT	1.640,00	Đang thẩm định dự toán
8	Thuê dịch vụ công nghệ thông tin (CNTT) đối với hệ thống điều khiển Hội nghị truyền hình trực tuyến tại điểm cầu cấp tỉnh thuộc dự án Nâng cấp, mở rộng hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến đang sử dụng hiện nay đến cấp xã	Thuê	Sở TT&TT	410,00	Đang sử dụng
9	Hệ thống điều khiển trung tâm hội nghị truyền hình trực tuyến tỉnh (MCU)	Đầu tư	Sở TT&TT	6.800,00	Đang thẩm định dự toán
10	Thuê kiểm tra, đánh giá định kỳ ATTT; giám sát an toàn hệ thống thông tin cho các hệ thống thông tin của tỉnh Bắc Kạn	Thuê	Sở TT&TT	1.100,00	Đang triển khai
11	Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai huyện Bạch Thông và huyện Chợ Mới tỉnh Bắc Kạn	Đầu tư	Sở TN&MT	10.000,00	Đang thực hiện hợp đồng
12	Duy trì thuê hệ thống Quản lý chất lượng giáo dục	Thuê	Sở GD&ĐT	990,00	Đang sử dụng
13	Triển khai nền tảng hệ sinh thái giáo dục thông minh (Giai đoạn 1)	Thuê	Sở GD&ĐT	3.200,00	Đang lập hồ sơ

STT	Tên nhiệm vụ, dự án	Hình thức triển khai	Đơn vị chủ trì	Kinh phí năm 2024	Tiến độ đến hiện tại
14	Thuê nền tảng dùng chung ngành Nội vụ	Thuê	Sở Nội vụ	2.000,00	Đang lập hồ sơ
15	Xây dựng CSDL ngành Lao động - Thương binh và Xã hội giai đoạn 1	Đầu tư	Sở LĐT&XH	144,00	Đang thực hiện hợp đồng
16	Phần mềm hệ thống thông tin tài chính chi trả các chính sách đảm bảo an sinh xã hội tỉnh Bắc Kạn	Đầu tư	Sở Tài chính	2.000,00	Đang lựa chọn nhà thầu
17	Đầu tư xây dựng nền tảng tòa soạn số	Đầu tư	Báo Bắc Kạn	1.911,00	Đang thực hiện hợp đồng
18	Cổng thông tin du lịch thông minh tỉnh Bắc Kạn	Thuê	Sở VH-TT&DL	831,00	Đang sử dụng
19	Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ phát triển du lịch	Đầu tư	Sở VH-TT&DL	3.000,00	Đang hoàn thiện hồ sơ
20	Quản lý, giám sát quy hoạch, xây dựng và phát triển đô thị tỉnh Bắc Kạn (bao gồm thuê phần mềm nền tảng phục vụ hoạt động ứng dụng CNTT quản lý, phân tích dữ liệu giám sát vệ tinh, đồng bộ CSDL quy hoạch lên cổng thông tin điện tử và phần mềm một cửa)	Thuê	Sở Xây dựng	648,00	Đang lựa chọn nhà thầu

STT	Tên nhiệm vụ, dự án	Hình thức triển khai	Đơn vị chủ trì	Kinh phí năm 2024	Tiến độ đến hiện tại
21	Hoàn thiện, cập nhật cơ sở dữ liệu công bố thông tin quy hoạch đồng bộ với cổng thông tin điện tử của Sở Xây dựng	Đầu tư	Sở Xây dựng	725,00	Đang lựa chọn nhà thầu
22	Triển khai Hồ sơ bệnh án điện tử tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Kạn	Thuê	Sở Y tế	2.600,00	Đang hoàn thiện hồ sơ
23	Triển khai Hồ sơ Bệnh án điện tử tại Trung tâm Y tế huyện Bạch Thông	Thuê	Sở Y tế	1.200,00	Đang hoàn thiện hồ sơ
24	Xây dựng kho cơ sở dữ liệu về Y tế (data lake)	Đầu tư	Sở Y tế	1.400,00	Đang lập hồ sơ
25	Triển khai hệ thống Trung tâm điều hành thông minh (IOC) và Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Bắc Kạn	Thuê	Văn phòng UBND tỉnh	1.000,00	Đang thực hiện hợp đồng
*	08 nhiệm vụ mới bổ sung theo Quyết định số 383/QĐ-UBND, giao kinh phí tại Quyết định số 599/QĐ-UBND ngày 05/4/2024			16.152,40	
1	Dịch vụ thu thập, phân tích và quản trị đảm bảo an toàn thông tin	Thuê	Sở TT&TT	200,00	Đang lập hồ sơ
2	Triển khai ứng dụng Công dân số Bắc Kạn	Thuê/ Đầu tư	Sở TT&TT	500,00	Đang lập hồ sơ
3	Chuyển đổi hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu của Sở Tài nguyên và Môi trường sang Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh	Đầu tư	Sở TN&MT	3.754,20	Đang lập hồ sơ

STT	Tên nhiệm vụ, dự án	Hình thức triển khai	Đơn vị chủ trì	Kinh phí năm 2024	Tiến độ đến hiện tại
4	Mua sắm máy tính, máy in, máy scan phục vụ triển khai Đề án 06	Đầu tư	Công an tỉnh	4.148,00	Đang triển khai
5	Đào tạo phục vụ triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 06	Đầu tư	Công an tỉnh	308,20	Đang triển khai
6	Nâng cao năng lực về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại	Đầu tư	Sở Công thương	77,00	Đang triển khai
7	Số hóa tài liệu lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Bắc Kạn	Thuê	Sở Nội vụ	4.165,00	Đang lập hồ sơ
8	Hệ thống quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Đầu tư	Sở KH&ĐT	3.000,00	Đang lập hồ sơ
II	Nhiệm vụ từ nguồn vốn đầu tư công, nguồn ngân sách trung ương theo KH 883/KH-UBND (04 nhiệm vụ)			26.400,00	
1	Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ (nguồn NSTW)	Đầu tư	Sở KH&ĐT	1.200,00	Đang triển khai
2	Dự án Nâng cấp, mở rộng hệ thống thông tin nền tảng phục vụ chính quyền điện tử tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2025	Đầu tư	Sở TT&TT	25.000,00	Đang thực hiện hợp đồng
3	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng tỉnh Bắc Kạn, đảm bảo an toàn thông tin mạng và số hoá tài liệu giai đoạn 2021-2025	Đầu tư	Văn phòng Tỉnh ủy	100,00	Đang lập hồ sơ
4	Đầu tư hệ thống phục vụ công tác số hóa Hồ sơ nghiệp vụ Công an nhân dân	Đầu tư	Công an tỉnh	100,00	Đang lập hồ sơ
	TỔNG CỘNG (37 nhiệm vụ)			95.044,40	